

BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM MÔN XÉT NGHIỆM HÓA SINH 2
LỚP KTVXN11

GV PHỤ TRÁCH: CN. Phạm Thái Bình

SĐVHT: 4 (LT: 0, TH: 4)

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM KIỂM TRA						ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				HS1		HS2					L1	L2	L1	L2	
				N	B	N	N	B	B						
1	150050014	Đỗ Phương	Anh	8.5	7.0	5.0	9.0	9.0	8.5	7.9	8.5		8.3		
2	150050040	Châu Quốc	Cường	8.5	7.0	5.0	7.0	7.5	7.0	6.9	8.3		7.7		
3	150050010	Huỳnh Quốc	Dương	8.5	9.0	9.0	9.0	9.5	9.0	9.1	9.2		9.2		
4	150050005	Võ Xuân	Duy	7.5	4.5	8.0	8.0	9.5	8.0	7.9	7.7		7.8		
5	150050004	Phan Tú	Duyên	7.5	8.0	10.0	7.0	8.8	9.0	8.5	8.5		8.5		
6	150050008	Trương Chí	Đại	7.5	10.0	10.0	7.0	8.5	9.0	8.7	8.6		8.6		
7	150050009	Tiết Văn	Điện	8.5	9.0	8.0	9.0	9.5	7.5	8.6	8.9		8.8		
8	150050007	Trương Thái	Học	7.5	9.0	8.0	6.0	9.5	8.5	8.1	8.5		8.3		
9	150050003	Nguyễn Hoàng	Hón	7.5	10.0	10.0	10.0	8.5	9.0	9.3	8.6		8.9		
10	150050002	Mai Thanh	Huyền	9.0	7.5	5.0	9.0	7.0	8.0	7.5	7.0		7.2		
11	150050015	Huỳnh Phạm	Huỳnh	5.5	10.0	9.0	10.0	7.5	8.0	8.5	7.7		8.0		
12	150050012	Hứa Tuấn	Kha	7.0	7.5	7.0	4.0	7.0	8.0	6.7	8.8		8.0		
13	150050024	Hà Thị Trúc	Linh	8.0	9.0	8.0	6.0	9.8	8.0	8.1	8.8		8.5		
14	150050041	Huỳnh Thị Chí	Linh	7.5	9.0	8.0	9.0	9.8	9.0	8.8	8.2		8.4		
15	150050019	Vưu Trần Thị Tường	Mi	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.7	8.1		8.3		
16	150050037	Trần Huỳnh	Như	7.5	9.0	9.0	7.0	9.5	9.0	8.6	8.6		8.6		
17	150050030	Nguyễn Minh	Nhật	7.5	7.0	6.0	8.0	8.0	8.0	7.5	8.9		8.3		
18	150050023	Quách Tấn	Phát	7.5	9.0	6.0	8.0	9.0	7.5	7.8	9.1		8.6		
19	150050025	Nguyễn Toàn	Quốc	7.0	7.0	4.0	7.0	9.0	7.0	6.8	8.7		7.9		
20	150050029	Nguyễn Thanh	Sắc	7.5	7.0	6.0	8.0	8.5	7.0	7.4	9.2		8.5		
21	150050022	Huỳnh Kim	Thảo	7.0	7.0	6.0	7.0	8.0	7.5	7.1	7.5		7.3		
22	150050034	Nguyễn Thanh	Thoại	7.5	9.0	7.0	8.0	7.5	9.0	8.0	8.8		8.5		
23	150050001	Phan Cẩm	Thu	8.0	9.0	9.0	8.0	7.5	8.0	8.2	8.0		8.1		
24	150050016	Nguyễn Đặng Anh	Thư	7.0	9.0	5.0	6.0	8.0	8.0	7.0	7.9		7.5		
25	150050032	Lê Văn	Thuần	7.0	7.0	8.0	7.0	8.5	9.0	7.9	8.0		8.0		
26	150050033	Lý Thị Mỹ	Tiên	6.5	7.0	8.0	5.0	9.0	9.0	7.6	8.1		7.9		
27	150050018	Đàm Văn	Trần	7.5	8.0	5.0	6.0	7.3	7.0	6.6	8.0		7.4		
28	150050035	Lương Văn	Út	6.5	8.0	8.0	6.0	9.0	7.0	7.5	8.5		8.1		
29	150050017	Thạch Thị Hồng	Vân	7.0	8.0	6.0	7.0	8.0	9.0	7.5	8.0		7.8		
30	150050026	Võ Nguyễn Thuý	Vi	8.0	7.0	8.0	6.0	7.5	8.0	7.4	8.8		8.2		
31	150050020	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	7.5	7.0	7.0	6.0	9.0	7.0	7.3	8.2		7.8		
32	150050011	Lâm Như	Ý	6.0	8.0	6.0	6.0	7.5	8.0	6.9	7.9		7.5		

Ghi chú: Danh sách này có 32 học sinh, đạt yêu cầu: 32, không đạt yêu cầu: 0

* Xếp loại học tập: XS: 1

Giỏi: 20

Khá: 11

TB Khá: 0

TB: 0

Yếu - kém: 0

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 12 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

LẬP BẢNG

Lý Chí Dũng

Huỳnh Điện Côn